

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ML
TỈNH SL

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 46/2022/HNGĐ-ST
Ngày 07-9-2022
V/v: Ly hôn giữa chị T và anh
T.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ML, TỈNH SL

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1 - Bà Nguyễn Thị Hương.

2 - Ông Quàng Văn Màng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Trà My – Thư ký Tòa án nhân dân huyện ML, tỉnh SL.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện ML tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tùng – Kiểm sát viên.

Ngày 07/9/2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện ML, tỉnh SL, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 113/2022/TLST-HNGĐ ngày 20/7/2022 về việc: Tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 72/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị LTT, sinh 1993, trú tại: TK 5, thị trấn IO, huyện ML, tỉnh SL. Có đề nghị xử vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Anh NVT, sinh 1988, trú tại: TK 5, thị trấn IO, huyện ML, tỉnh SL. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 20/7/2022 và trong quá trình xét xử nguyên đơn chị LTT trình bày:

Chị và anh NVT kết hôn trên cơ sở tự nguyện, ngày 08/10/2013 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn IO, huyện ML, tỉnh SL. Cuộc sống chung hạnh phúc đến tháng 10 năm 2021 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do hai người không hợp nhau. Mặc dù đã được gia đình hai bên khuyên giải nhưng không khắc phục được. Từ đó hai người sống không quan tâm đến cuộc sống

của nhau. Chị LTT xác định tình cảm vợ chồng không còn, yêu cầu được ly hôn anh NVT.

Về con chung: Có hai con là NMH, sinh ngày 28/3/2010 và NMH, sinh ngày 15/11/2013. Chị xác định hiện nay các cháu đang ở với chị, chị yêu cầu được nuôi hai con. Chị không yêu cầu anh NVT cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, riêng, nợ: Đề không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh NVT từ chối trình bày: Căn cứ vào ý kiến của cơ sở và các tài liệu xác nhận quan hệ hôn nhân giữa chị LTT và anh NVT. Xác nhận nguyên nhân mâu thuẫn phù hợp với lời khai của nguyên đơn chị LTT, nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu do hai người bất đồng quan điểm sống.

Về con chung: Có hai con là NMH, sinh ngày 28/3/2010 và NMH, sinh ngày 15/11/2013.

Về tài sản chung, riêng, nợ: Đề không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của Kiểm sát viên: Việc áp dụng pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đúng quy định.

Về nội dung:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về Án phí, Lệ phí Tòa án:

Có căn cứ xử cho chị LTT được ly hôn anh NVT.

Về con chung: Giao cho chị LTT trực tiếp nuôi dưỡng cháu NMH, sinh ngày 28/3/2010 và NMH, sinh ngày 15/11/2013. Chị LTT không yêu cầu anh NVT phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, riêng, nợ: Đề không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị LTT chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa và các quy định của pháp luật. Tòa án phân tích, đánh giá, nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh NVT sau khi được thông báo về việc thụ lý vụ án, từ chối khai trình bày nguyện vọng, anh NVT đã được cấp tổng đạt các văn bản tố tụng có xác nhận của Ủy ban nhân dân thị trấn IO, huyện ML, tỉnh SL và đã triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa, theo

quy định của điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự có đủ căn cứ xử vắng mặt anh NVT.

Nguyên đơn chị LTT có đơn đề nghị xử vắng mặt tại phiên tòa, căn cứ theo quy định Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự có đủ căn cứ xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị LTT và anh NVT có đăng ký kết hôn, có tìm hiểu, tự nguyện là đúng pháp luật. Cuộc sống chung của vợ chồng hoà thuận hạnh phúc được một thời gian đầu. Sau phát sinh mâu thuẫn vợ chồng được xác định nguyên nhân do hai người không hợp nhau. Mâu thuẫn đã được chính quyền địa phương và gia đình hai bên khuyên giải nhưng không khắc phục được. Hai người không quan tâm đến cuộc sống của nhau từ tháng 10 năm 2021, xét mâu thuẫn vợ chồng không khắc phục được là có căn cứ.

Xét thấy: Mâu thuẫn vợ chồng chị LTT và anh NVT đã được gia đình và chính quyền địa phương khuyên giải. Đã kéo dài, trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay chị LTT yêu cầu được ly hôn là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình. Cần chấp nhận xử cho chị LTT được ly hôn anh NVT.

[3] Về con chung: Có hai con là NMH, sinh ngày 28/3/2010 và NMH, sinh ngày 15/11/2013. Chị LTT xác định hiện nay cháu đang ở với chị, chị có nguyện vọng nuôi con. Chị không yêu cầu anh NVT cấp dưỡng nuôi con. Là đúng với nguyện vọng của hai cháu, cần chấp nhận giao cho chị LTT trực tiếp nuôi hai con, theo quy định của các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Về tài sản chung, riêng, nợ: Đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị LTT chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về Án phí, Lệ phí Tòa án:

1. Xử cho chị LTT được ly hôn anh NVT.

2. Giao cho chị LTT trực tiếp nuôi dưỡng cháu NMH, sinh ngày 28/3/2010 và NMH, sinh ngày 15/11/2013. Chị LTT không yêu cầu anh NVT phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này, không được lạm dụng việc

thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con.

3. Về tài sản chung, riêng, nợ: Điều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị LTT phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000, đồng (ba trăm nghìn đồng) được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001930 ngày 20/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện ML, tỉnh SL.

Chị LTT. Anh NVT được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh SL;
- VKSND huyện ML (2);
- Chi cục THADS huyện ML;
- UBND thị trấn IO, huyện ML (để vào sổ hộ tịch);
- Các đương sự (2);
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Nguyễn Minh Tuấn